| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN QUÂN SỰ**<br>**KHU VỰC QUÂN KHU 7** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2023/HS-ST
Ngày 26/9/2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 7**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* 1// Huỳnh Phan Châu Thành.

*Các Hội thẩm quân nhân:*

2// Nguyễn Việt Hùng

1// Nguyễn Xuân Hướng.

***- Thư ký phiên tòa:*** 2/ Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 7.

***- Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 71 tham gia phiên tòa:*** 1// Cao Phi Cương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường của d1, L77, Quân khu X; Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 30/8/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HS ngày 15/9/2023 đối với bị cáo:

**Lê Văn L;** tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 9 năm 1998 tại Đồng Nai; nơi đăng ký HKTT: 2/4 đường Lý Tự Trọng, khu phố 4, phường Xuân Thanh, thành phố LK, tỉnh Đ; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 2/, bt, bVB, Phòng T, L 77, Quân khu X; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 23/8/2022, d1 đã ra Quyết định số 15/QĐ-TĐ về việc thi hành kỷ luật đối với Lê Văn L về hành vi "không gương mẫu trong công tác, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao", với hình thức "Cảnh cáo"; Ngày 25/01/2023, d3 đã ra Quyết định số 02/QĐ-TĐ về việc thi hành kỷ luật đối với Lê Văn L về hành vi "báo cáo sai, báo cáo không kịp thời, không báo cáo nhằm lừa dối cấp trên, trốn tránh trách nhiệm và chiếm đoạt tài sản", với hình thức "Cảnh cáo"; nhân thân: Đã bị xử lý kỷ luật 02 lần; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam từ ngày 05/6/2023 đến nay tại Trại tạm giam K35 – Quân khu 7; có mặt.

*Bị hại:*

1. Lai Văn L1, sinh ngày 13 tháng 01 năm 1980 tại TP Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 152 Nguyễn Oanh, Phường 17, quận G, TP. H; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 1//, Chủ nhiệm C, Phòng T, L77, Quân khu X; có mặt.

2. Đặng Hoài N, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1988 tại Đồng Nai; nơi cư trú: 152 Nguyễn Oanh, Phường 17, quận G, TP. H; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 1//, ct, c10, d4, L77, Quân khu X; có mặt.

3. Tô Thanh D, sinh ngày 23 tháng 3 năm 1998 tại Long An; nơi cư trú: Khu phố 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh L; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 1/CN, Nhân viên, Phòng T, L77, Quân khu X; có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Đỗ Văn T2, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1993 tại Hà Nam; nơi cư trú: 32/6 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Hưng Lân, xã B, huyện H, TP. H; nghề nghiệp: Kinh doanh cầm đồ; vắng mặt.

2. Phạm Trí T3 (tên gọi khác: Tú), sinh ngày 12 tháng 6 năm 1991 tại Bắc Giang; nơi cư trú: Tân Thới Nhất 18, phường Tân Thới Nhất, Quận S, TP. H; nghề nghiệp: Lao động tự do; vắng mặt.

*Người làm chứng:*

1. Lê Tiến V; có mặt.

2. Nguyễn Thị N1; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn L là 2/, bt, bVB, Phòng T, L77, Quân khu X. Trong quá trình công tác tại L77, vì nhu cầu cá nhân, Lê Văn L đã vay, mượn tiền của các cá nhân, tổ chức nhưng không có khả năng chi trả nên đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các quân nhân trong đơn vị từ ngày 19/5/2023 đến ngày 21/5/2023 cụ thể như sau:

Đối với hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Từ ngày 02/5/2023, Lê Văn L được quân nhân Lai Văn L1 giao quản lý, sử dụng xe mô tô biển số 70L1-536.79 của quân nhân L1 để vừa đón con giúp L1 vừa sử dụng cá nhân. Sáng ngày 19/5/2023, sau khi được đơn vị giải quyết cho nghỉ tranh thủ, L đã điều khiển xe mô tô trên đến gặp bạn mình là Nguyễn Đạt Thành để mượn tiền nhưng không được nên L nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của L1. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, L điều khiển xe mô tô biển số 70L1-536.79 đến cửa hàng cầm đồ Bảo Toàn tại địa chỉ số 32/6 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Hưng Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh gặp Đỗ Văn T2 là chủ cửa hàng, L nói bản thân là bộ đội và đưa giấy phép lái xe quân sự của mình cho T2 phô tô giữ lại. Tin tưởng L là bộ đội, T2 đồng ý cầm xe mô tô trên với số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng. Sau khi trừ tiền lãi tháng đầu, T2 đưa số tiền là 4.600.000 đồng, sau đó L đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Kết quả định giá tài sản bị chiếm đoạt: Giá trị xe mô tô Honda Future, biển số 70L1-536.79 là 13.333.333 đồng.

Đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Lần 1: Khoảng 17 giờ ngày 21/5/2023, L đến Phòng C, L77 gặp quân nhân Đặng Hoài N để mượn xe mô tô biển số 60B8-722.00 của N để đi mua đồ. N đồng ý và giao chìa khóa xe, khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, L không đi giải quyết công việc như đã nói với N mà điều khiển xe mô tô của N đến cửa hàng cầm đồ Bảo Toàn tại địa chỉ số 32/6 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Hưng Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh gặp Đỗ Văn T2 để cầm cố chiếc xe trên với số tiền là 4.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng. Sau khi trừ tiền lãi tháng đầu, T2 đưa số tiền là 3.680.000 đồng và giữ bản gốc Giấy phép lái xe quân sự của L, sau đó L đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Lần 2: Khoảng 15 giờ ngày 21/5/2023, L gọi điện hỏi mượn xe mô tô biển số 62N1-667.75 của quân nhân Tô Thanh D để đi giải quyết công việc cá nhân. D đồng ý nhưng do có việc bận nên không giao xe ngay được, đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, D chỉ chỗ để chìa khóa xe cho L biết để lấy xe. Khoảng 21 giờ 30 phút, sau khi cầm xong chiếc xe của N, L về lại đơn vị lên phòng nghỉ của D để lấy chìa khóa xe, sau khi lấy được xe, L không đi giải quyết công việc như đã nói với D mà điều khiển xe mô tô trên  đến cửa hàng cầm đồ Bảo Toàn tại địa chỉ số 32/6 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Hưng Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để cầm cố xe mô tô trên nhưng cửa hàng đã đóng cửa. Lê Văn L tìm hiểu thông tin trên mạng internet về việc cầm đồ có số điện thoại của Phạm Trí T3, L điện thoại cho T3 để hỏi việc cầm xe và được T3 hẹn đến quán cà phê gần đường Dương Thị Giang, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. Tại đây, T3 nhận cầm xe mô tô biển số 62N1-667.75 với số tiền 12.000.000 đồng, chưa thỏa thuận lãi suất. T3 đưa L 12.000.000 đồng và nhận xe mô tô biển số 62N1-667.75 để sử dụng. Sau khi có tiền, L đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

Kết quả định giá tài sản bị chiếm đoạt: Giá trị xe mô tô Honda Blade, biển số 60B8-722.00 là 9.666.667 đồng; xe mô tô Honda SH Mode, biển số 62N1-667.75 là 38.333.333 đồng. Tổng giá trị 02 xe mô tô bị chiếm đoạt là 48.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại Lai Văn L1, Đặng Hoài N và Tô Thanh D như cáo trạng đã nêu. Vì cần tiền giải quyết việc tiêu xài cá nhân nên sau khi được quân nhân Lai Văn L1 giao xe mô tô 70L1-536.79 để đi đưa đón con giúp thì bị cáo đã mang chiếc xe mô tô trên đi cầm tại tiệm cầm đồ Bảo Toàn lấy tiền tiêu xài cá nhân, sau đó bị cáo tiếp tục lừa dối các quân nhân Đặng Hoài N và Tô Thanh D để mượn 02 chiếc xe mô tô 60B8-722.00 và 62N1-667.75 để đem đi cầm tại tiệm cầm đồ Bảo Toàn và cho Phạm Trí T3 để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Bị hại Lai Văn L1 khai tại phiên tòa: Ngày 02/5/2023, tôi có điện thoại nhờ Lê Văn L lấy xe mô tô 70L1-536.79 của tôi để đi đón con giúp tôi. Sau đó, tôi cũng nhờ L thường xuyên đưa đón con tôi đi học. Buổi tối ngày 22/5/2023, tôi nghe nói sự việc L lấy xe của quân nhân Tô Thanh D nhưng không trả nên tôi gọi điện thoại cho L hỏi xe. L nói xe để ở nhà bạn, hôm sau sẽ đi lấy về trả cho tôi. Ngày 23/5/2023, tôi tiếp tục gọi, L nói đang sang nhà bạn để lấy xe và L cũng báo với chỉ huy đơn vị là sang nhà bạn lấy xe nhưng không trở về đơn vị,

không biết đi đâu. Ngày 03/6/2023 L trở lại đơn vị và Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe mô tô hiệu Honda Future biển số 70L1-536.79 do L mang đi cầm cố. Đối với hành vi chiếm đoạt xe mô tô của Lê Văn L cũng chưa xảy ra hậu quả lớn cho bản thân tôi nên tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Đặng Hoài N khai tại phiên tòa: Khoảng 16 giờ ngày 21/5/2023, tôi đang ở phòng nghỉ của tôi tại đơn vị thì Lê Văn L đến và hỏi mượn xe mô tô của tôi hiệu Honda Blade biển số 60B8-722.00 để đi đón con của anh trong cơ quan (không nói rõ là ai và tôi cũng không hỏi). Tôi đồng ý và đưa chìa khóa xe, nói vị trí để xe và biển số xe mô tô của tôi cho L. Khoảng 08 giờ ngày 23/5/2023, tôi gọi điện cho L để lấy lại xe nhưng L nói đang để xe ở nhà bạn, chờ L đi lấy. Khoảng 09 giờ cùng ngày, tôi điện lại cho L nói đang đi lấy xe. Khoảng 10 giờ cùng ngày, tôi điện lại thì không thấy L nghe máy. Thấy sự việc có dấu hiệu bất thường nên tôi đã báo cáo sự việc cho đơn vị, đến ngày 26/5/2023 tôi làm đơn tố cáo Lê Văn L. Đối với hành vi chiếm đoạt xe mô tô của Lê Văn L cũng chưa xảy ra hậu quả lớn cho bản thân tôi nên tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Tô Thanh D khai tại phiên tòa: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 21/5/2023, L gọi điện cho tôi nói cho L mượn xe để đi đón con cho quân nhân Lai Văn L. Lúc này, tôi đang ăn cơm ở nhà ăn và nói L chìa khóa xe để ở trên bàn trong phòng ngủ của tôi. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, tôi gọi điện cho L hỏi đem xe về chưa thì L nói chưa về. Sau đó tôi đi ngủ và ngày hôm sau tôi đi công tác sớm. Khoảng 19 giờ ngày 22/5/2023, tôi có đi tìm xe mô tô của tôi nhưng không thấy trong đơn vị. Tôi có gặp trực tiếp L để hỏi thì L nói để xe ở nhà bạn, tôi yêu cầu L qua lấy xe trả cho tôi nhưng L hẹn 09 giờ ngày hôm sau sẽ trả xe cho tôi. Sáng ngày 23/5/2023 không thấy L trả xe cho tôi nên tôi đã báo cáo với chỉ huy đơn vị. Chỉ huy đơn vị cũng đã yêu cầu L trả lại xe cho tôi, sau đó L đã rời khỏi đơn vị, tôi đã nhiều lần liên lạc với L nhưng không được. Đến ngày 26/5/2023 tôi làm đơn tố cáo Lê Văn L. Đối với hành vi chiếm đoạt xe mô tô của Lê Văn L cũng chưa xảy ra hậu quả lớn cho bản thân tôi nên tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Văn T1 khai tại cơ quan điều tra: Ngày 19/5/2023 L điều khiển mô tô hiệu Honda Future biển số 70L1-536.79 đến cửa hàng cầm đồ Bảo Toàn của tôi để cầm xe. Tôi có hỏi nguồn gốc thì L nói xe của bạn mang đi cầm giúp, tôi hỏi có giấy tờ gì không? thì L đưa Giấy phép lái xe số 2120742 do Cục Xe máy- Bộ Quốc phòng cấp ngày 12/3/2020, ngoài ra không có giấy tờ xe gì. L nói đang có việc gấp nên cầm cho L hết giá chiếc xe, vì xe không có giấy tờ nên tôi cho L cầm với giá 5.000.000 với lãi suất 8%/tháng. Tôi trừ lãi tháng đầu là 400.000 đồng và đưa cho L 4.600.000 đồng. Buổi tối ngày 21/5/2023, L tiếp tục điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 60B8-722.00 đến cửa hàng của tôi và đề nghị tôi cầm xe. Do tin tưởng L là bộ đội nên tôi cầm xe mô tô trên của L với giá 4.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng. Tôi kiểm tra nguồn gốc xe trên hệ thống nhà nước, xác

định xe hoạt động bình thường không bị báo trộm cắp. Tôi trừ lại tiền lãi suất là 320.000 đồng và đưa cho L số tiền 3.680.000 đồng. Lần này L để lại bản chính giấy phép lái xe cho tôi giữ làm tin. Khi L đem xe đến cửa hàng cầm, tôi không biết đó là tài sản do L phạm tội mà có. Đến ngày 03/6/2023, tôi mới biết được vì Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1, Quân khu 7 thông báo xe mô tô trên do L phạm tội mà có, tôi đã tự nguyện giao nộp lại. Nếu biết là tài sản do L phạm tội đem đến thì tôi sẽ không cho L cầm. Tôi không yêu cầu L trả lại số tiền tôi đã bỏ ra để cầm cố 02 chiếc xe mô tô trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phạm Trí T3 khai tại cơ quan điều tra: Buổi tối ngày 21/5/2023, có một tài khoản Zalo tên "L Lee" gọi điện cho tôi nói đang có việc gấp và muốn cầm xe. Tôi hỏi nguồn gốc xe thì L nói của bố mẹ L. Tôi hẹn L đến quán cà phê gần đường Dương Thị Giang, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, L điều khiển xe Honda SH Mode biển số 62N1-667.75 đến, tôi hỏi về nguồn gốc và giấy tờ xe thì L nói bố mẹ L mua lại ở Long An, giấy tờ xe thì bố mẹ L đang giữ. Tôi hỏi L làm gì mà cần tiền, cầm xe lâu không, L nói đang đi học, cần tiền lo việc cá nhân chứ không nói rõ là việc gì và L cầm xe vài ngày rồi sẽ chuộc lại. Tôi hỏi L muốn cầm bao nhiêu, L nói muốn cầm với giá 12.000.000 đồng. Lãi suất thì tôi nói khi nào lấy xe sẽ tính. Đến ngày 03/6/2023, tôi mới được Cơ quan điều tra thông báo chiếc xe trên là do L phạm tội mà có, tôi đã tự nguyện giao nộp lại. Tôi không biết xe mô tô Honda SH Mode biển số 62N1-667.75 là do L phạm tội mà có nên mới cầm xe của L. Tôi đã nhận số tiền người nhà bị cáo gửi là 11.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng tôi hỗ trợ cho gia đình bị cáo. Tôi không có yêu cầu gì nữa đối với bị cáo Lê Văn L.

Người làm chứng Lê Tiến V khai tại phiên tòa: Chiều ngày 02/5/2023 khi tôi đang ở nhà, không đi đón con anh L1 được và có báo với anh L1. Sau đó, anh L1 gọi điện cho tôi hỏi chìa khóa xe của anh L1 đâu để nhờ L đi đón con. Sau đó, L là người đưa đón con anh L1 đi học hàng ngày và thường xuyên sử dụng xe của anh L1 nên tôi nghĩ anh L1 cho phép L sử dụng xe mô tô của anh L1. Ngày 23/5/2023, tôi báo chỉ huy đơn vị về việc L lấy xe của anh L1 và D cho bạn mượn, chỉ huy đơn vị triển khai cho quân nhân Nguyễn Quang Th lái xe chở tôi và L đi lấy xe mô tô về trả cho anh L1 và D. L chỉ đường đến một ngôi nhà trong hẻm trên đường Lê Văn V ở thành phố Thủ Đức nhưng đóng cửa, L liên lạc điện thoại một lúc rồi nói bạn đang học, không về mở cửa được, để L đi lấy chìa khóa. L đi bộ đi lấy chìa khóa, khoảng 20 phút sau không thấy L quay lại, tôi điện thoại cho L nhiều lần nhưng L không nghe máy. Từ đó L không trở lại đơn vị, tôi cũng không liên lạc được với L. Đến ngày 03/6/2023, L mới trở lại đơn vị.

Người làm chứng Nguyễn Thị N1 khai tại phiên tòa: Sau khi sự việc xảy ra, tôi đã thỏa thuận và chuyển trả thay cho con tôi là Lê Văn L số tiền 11.000.000 đồng cho Phạm Trí T3. Tôi cho L số tiền đó và không yêu cầu L phải trả lại.

Kết luận định giá tài sản số 110/KL-HĐĐGTS ngày 13/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, UBND quận Gò Vấp:

- 01 xe mô tô hai bánh hiệu Honda Future, biển số 70L1-536.79, số khung RLHJC7614GZ020410, số máy JC76E0030357, đã qua sử dụng (xe vận hành bình thường), thời điểm định giá là tháng 5/2023 có giá trị là 13.333.333 đồng.

- 01 xe mô tô hai bánh hiệu Honda Blade, biển số 60B8-722.00, số khung RLHJA3604EY104266, số máy JA36E0170030, đã qua sử dụng (xe vận hành bình thường), thời điểm định giá là tháng 5/2023 có giá trị là 9.666.667 đồng.

- 01 xe mô tô hai bánh hiệu Honda SH Mode, biển số 62N1-667.75, số khung RLHJF5152KZ055896, số máy JF87E5128985, đã qua sử dụng (xe vận hành bình thường), thời điểm định giá là tháng 5/2023 có giá trị là 38.333.333 đồng.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKS71 ngày 29/8/2023, Viện kiểm sát quân sự khu vực 71 đã truy tố Lê Văn L về các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 BLHS và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 BLHS và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Văn L từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Văn L phải chấp hành hình phạt từ 21 tháng đến 27 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi lại các tài sản và đã trả lại cho các bị hại, các bị hại không bị thiệt hại gì và cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Văn T1 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra để cầm xe cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phạm Trí T3 đã được gia đình bị cáo thỏa thuận và nhận lại số tiền 11.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả bất cứ khoản nào khác.

Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo 01 (một) giấy phép lái xe số 2120742 mang tên Lê Văn L.

- Tiếp tục lưu hồ sơ 01 (một) USB màu đỏ chứa file ghi âm hỏi cung bị can để làm chứng cứ chứng minh giải quyết vụ án.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 1 Quân khu 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 71, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: nguyên nhân, điều kiện, thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội, động cơ, mục đích phạm tội, số tài sản chiếm đoạt được…

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, xét thấy: Vì cần tiền giải quyết việc cá nhân nên bị cáo đã thực hiện các hành vi sau: Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng giao xe mô tô 70L1-536.79 của bị hại Lai Văn L1 để đi đưa đón con giúp bị hại, bị cáo đã cầm cố chiếc xe mô tô trên cho tiệm cầm đồ Bảo Toàn. Chiếc xe mô tô 70L1-536.79 mà bị cáo đã chiếm đoạt có giá trị là 13.333.333 đồng. Bị cáo đã lừa dối các bị hại Đặng Hoài N, Tô Thanh D để các bị hại giao xe mô tô 60B8-722.00 và xe mô tô 62N1-667.75 cho bị cáo, sau khi nhận được các xe mô tô trên bị cáo đã mang đến tiệm cầm đồ Bảo Toàn để cầm chiếc xe mô tô 60B8-722.00 và cầm cho Phạm Trí T3 chiếc xe mô tô 62N1-667.75. Chiếc xe mô tô 60B8-722.00 có giá trị là 9.666.667 đồng; chiếc xe mô tô 62N1-667.75 có giá trị là 38.333.333 đồng. Tổng giá trị 02 chiếc xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại Đặng Hoài N và Tô Thanh D là 48.000.000 đồng.

Do vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn L phạm các tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh của bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến hình ảnh và truyền thống tốt đẹp của người quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do mình gây ra. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 BLHS đây là cơ sở để xem xét lượng hình cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền sự, có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục người khác có ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Đối với hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Không có.

+ Đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Bị cáo Lê Văn L đã chiếm đoạt 02 xe mô tô của Tô Thanh D và Đặng Hoài N, tài sản mỗi lần chiếm đoạt đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo còn được các bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt và bị cáo đã tác động gia đình hoàn trả lại số tiền 11.000.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phạm Trí T3 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

Trong quá trình học tập và công tác, bị cáo Lê Văn L còn được tặng 01 chiến sĩ thi đua, 02 giấy khen, 02 chiến sĩ tiên tiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về dân sự:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi lại các tài sản và đã trả lại cho các bị hại, các bị hại không bị thiệt hại gì và cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Văn T2 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra để cầm xe cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ Điều 131, Điều 579 Bộ luật Dân sự, ghi nhận bị cáo Lê Văn L đã thỏa thuận và hoàn trả lại cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

Phạm Trí T3 số tiền 11.000.000 đồng. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với Đỗ Văn T2 và Phạm Trí T3 vì tin tưởng Lê Văn L đang công tác trong quân đội, không biết rõ các xe mô tô do Lê Văn L đem đi cầm cố là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy, không đủ căn cứ xử lý Đỗ Văn T2 và Phạm Trí T3 về tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự. Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo 01 (một) giấy phép lái xe số 2120742 mang tên Lê Văn L.

- Tiếp tục lưu hồ sơ 01 (một) USB màu đỏ chứa file ghi âm hỏi cung bị can để làm chứng cứ chứng minh giải quyết vụ án.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Về hình sự:**

Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn L 12 (mười hai) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn L 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lê Văn L phải chấp hành hình phạt chung là 21 (hai mươi mốt) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 05/6/2023.

**2. Về dân sự:**

Áp dụng Điều 131, Điều 579 Bộ luật Dân sự, ghi nhận bị cáo Lê Văn L đã thỏa thuận và hoàn trả lại cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phạm Trí T3 số tiền 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

**3. Về xử lý vật chứng:**

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo 01 (một) giấy phép lái xe số 2120742 mang tên Lê Văn L.

- Tiếp tục lưu hồ sơ 01 (một) USB màu đỏ chứa file ghi âm hỏi cung bị can để làm chứng cứ chứng minh giải quyết vụ án.

**4. Về án phí:**

Áp dụng khoản 2 các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Lê Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

**5. Quyền kháng cáo đối với bản án:**

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26 tháng 9 năm 2023) đối với bị cáo, các bị hại và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 7./.

***Nơi nhận:***
- TAQSTW;
- VKSQSQK7;
- P.THADSQK7;
- CQ THAHSQK7;
- VKSQSKV71;
- CQ ĐTHSKV1 QK7;
- Trại tạm giam K35 QK7;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQL,NVLQĐVA;
- Lưu HSTHA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**